

Bài Tâm Kinh ngắn Huyền Trang dịch

From: Dang Le
Sent: Thursday, January 19, 2017 7:07 AM
To: Dang Le <lvda_13@gmail.com>
Subject: Bài Tâm Kinh ngắn Huyền Trang dịch

Bài Tâm Kinh ngắn Huyền Trang dịch

Chúng tôi phổ biến nơi đây 4 bản in:

1) Ba tờ in chữ Khải lớn

2) Bài giảng trích từ các BÀI HỌC CHỮ HÁN BẰNG KINH PHẬT, tại Viện Việt Học, Orange County CA.

3) Bản in màu, chữ Khải và chữ Triện'

4) The Heart Sutra translated from Sanskrit by Edward Conze.

NGUỒN: 'Đại Bát Nhã Ba La Mật Kinh', 600 quyển do Thầy Huyền Trang dịch

是不諸亦空空厄五若觀唐般
故垢法復即不舍蘊波自三若
空不空如是異利皆羅在藏波
中淨相是色色子空蜜菩法羅
無不不舍受色色度多薩師蜜
色增生利想即不一時行玄多
無不不子行是異切照深熒心
受減減是識空空苦見般譯經

Đọc 3 tờ 'Từ Phải qua, Từ trên xuống'

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhưt thiết khổ ách. Xả Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Thọ, tướng, hành, thức diệt phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư Pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ

想有無般所道無明識法身想
究恐罣若得無老盡界無意行
竟怖礙波故智死乃無眼無識
涅遠無羅菩亦盡至無界色無
槃離罣蜜提無無無明乃聲眼
三顛礙多薩得苦老亦至香耳
世倒故故埵以集死無無味鼻
諸夢無心依無滅亦無意觸舌

tướng, hành, thức, vô nhân, nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý, vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhân giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận, vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

Tam thế chư

般提揭咒若苦無大羅三故佛
 若薩帝曰波真等明蜜菩得依
 波婆波揭羅實等咒多提阿般
 羅訶羅帝蜜不咒是是故耨若
 蜜 僧揭多虛能無大知多波
 多 揭帝咒故除上神般羅羅
 心 帝波即說一咒咒若三蜜
 經 菩羅說般切是是波藐多

Phật y Bát Nhã Ba La Mật Đa cổ, đấng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề. Có tri Bát Nhã Ba La Mật Đa thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhưt thiết khổ, chơn thiết bất hư. Cổ thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề Tát bà ha.

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kiiinh.

[1] 般若波羅蜜多心經

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Bài Tâm Kinh Bát Nhã

唐三藏法師玄奘譯

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch

do Thầy Trần Huyền Trang đời nhà Đường dịch

觀自在菩薩。行深般若波羅蜜多時。照見五蘊皆空。度一切苦厄。

Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhưt thiết khổ ách.

舍利子。色不異空。空不異色。色即是空。空即是色。受 [2]想行識亦復如是。

Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

舍利子。是諸法空相。不生不滅。不垢不淨。不增不減。是故空中。無色。無受想行識。

Xá Lợi Tử, thị chư Pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức,

無眼耳鼻舌身意。無色聲香味觸法。無眼界。乃至無意識界。無無明。亦無無明盡。乃至無老死。

亦無老死盡。無苦集滅道。無智亦無得。以無所得故。菩提薩埵。依般若波羅蜜多故。心無罣礙。

無罣礙故。無有恐怖。遠離顛倒夢想。究竟涅槃。三世諸 [3]佛。依般若波羅蜜多故。得阿耨多羅三

藐三菩提。故知般若波羅蜜多。是大神咒。是大明咒是無上咒。是無等等咒。能除一切苦。真實不

虛故。說般若波羅蜜多咒即說咒曰

揭帝揭帝 波羅揭帝 波羅僧揭帝 菩提薩婆訶
般若波羅蜜多心經

Bản âm

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tướng, hành, thức diệt phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư Pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức, vô nhân, nhĩ, tỳ, thiết, thân, ý, vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhân giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận, vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

Tam thể chư Phật y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề. Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư. Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha

Bản Nghĩa

Khi Quan Thế Âm Bồ Tát thực hành thâm sâu Bát Nhã Ba la mật đa, soi thấy Ngũ uẩn trống không, diệt hết tất cả nạn khổ.

Này Xá Lợi Phất, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, cho nên Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Thọ, Tướng, Hành, Thức đều giống y như vậy. Xá Lợi Phất, thế nên các Pháp đều chẳng có Tướng, không sanh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt. Bởi vậy, hư không chẳng có Sắc, chẳng có Thọ, Tướng, Hành, Thức [Ngũ uẩn]; chẳng có Nhân, Nhĩ, Tỳ, Thiết, Thân, Ý [Lục căn], chẳng có Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp [Lục trần], chẳng có Nhân Giới, chí đến chẳng có Ý thức giới [Lục thức].

Chẳng có vô minh, cũng chẳng có vô minh tận, chí đến chẳng có lão tử, cũng chẳng có lão tử tận. Chẳng có khổ, tập, diệt, đạo [Tứ Đế]. Chẳng có trí cũng chẳng có đắc, nên chẳng có sở đắc vậy. Cho nên Bồ đề tát đỏa y theo Bát Nhã Ba la mật đa, tâm không quái ngại, không quái ngại vậy. Chẳng có khủng bố, lìa xa điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

Chư Phật ba đời y theo Bát Nhã Ba la mật đa mà thành Chánh quả. Nên biết Bát Nhã Ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, trừ được tất cả đau khổ, chân thực không dối vậy. Thuyết Bát Nhã Ba la mật đa chú, phải đọc lời chú như vậy:

Yết đế yết đế Ba la yết đế Ba la tăng yết đế Bồ đề tát bà ha.

Phụ chú

Trong một chúng hội, Đức Phật đang nhập Thiền định. Để trả lời câu hỏi của Xá Lợi Phất về Trí tuệ Độ đáo bỉ ngạn, Quan Thế Âm Bồ tát giảng giải đại đề là Ngũ uẩn, Lục trần, Lục thức, Tứ đế, v.v. đều trống không. Nhờ vậy mà Tâm không sợ hãi, không bị trôi buộc, lìa xa điên đảo, mộng tưởng, xét tận cùng lý Niết bàn.

Chư Phật ba đời đều nương theo Trí tuệ Độ đáo bỉ ngạn mà thành Chánh quả. Cuối cùng Ngài có tán dương mật chú Trí tuệ Độ đáo bỉ ngạn là đại minh chú, không gì hơn cũng không gì bằng, chân thực, diệt trừ được tất cả khổ nạn. Lời chú đọc như vậy:

Yết đế yết đế Ba la yết đế Ba la tăng yết đế Bồ đề tát bà ha.

Sau đó Đức Phật xuất Định, tán thưởng và chấp nhận lời giảng giải của Quan Thế Âm Bồ tát.

Từ vựng

Ba la mật đa Pāramitā 波羅蜜多 *Độ đáo bỉ ngạn*.

Bát nhã Prajñā 般若 *Trí tuệ*

Bát nhã Ba la mật đa Prajñā Pāramitā 般若波羅蜜多心經 *Trí tuệ Độ đáo bỉ ngạn* [Đại Trí Độ]

Bát nhã Ba la mật đa Tâm kinh Prajñā Pāramitā Sūtra 般若波羅蜜多心經

Bồ đề tát đỏa [Bồ tát] Bodhisattva 菩提薩埵 [菩薩]

Bồ tát Bodhisattva 菩薩

Bồ tát Ma ha tát Bodhisattva-mahāsattva 菩薩摩訶薩 [大菩薩]

Lục căn Six organs 六根

Lục trần Satgunas 六塵

Ngũ uẩn Pañcaskandha 五蘊

Quán Thế Âm [Quán Tự Tại] Avalokiteśvara 觀世音

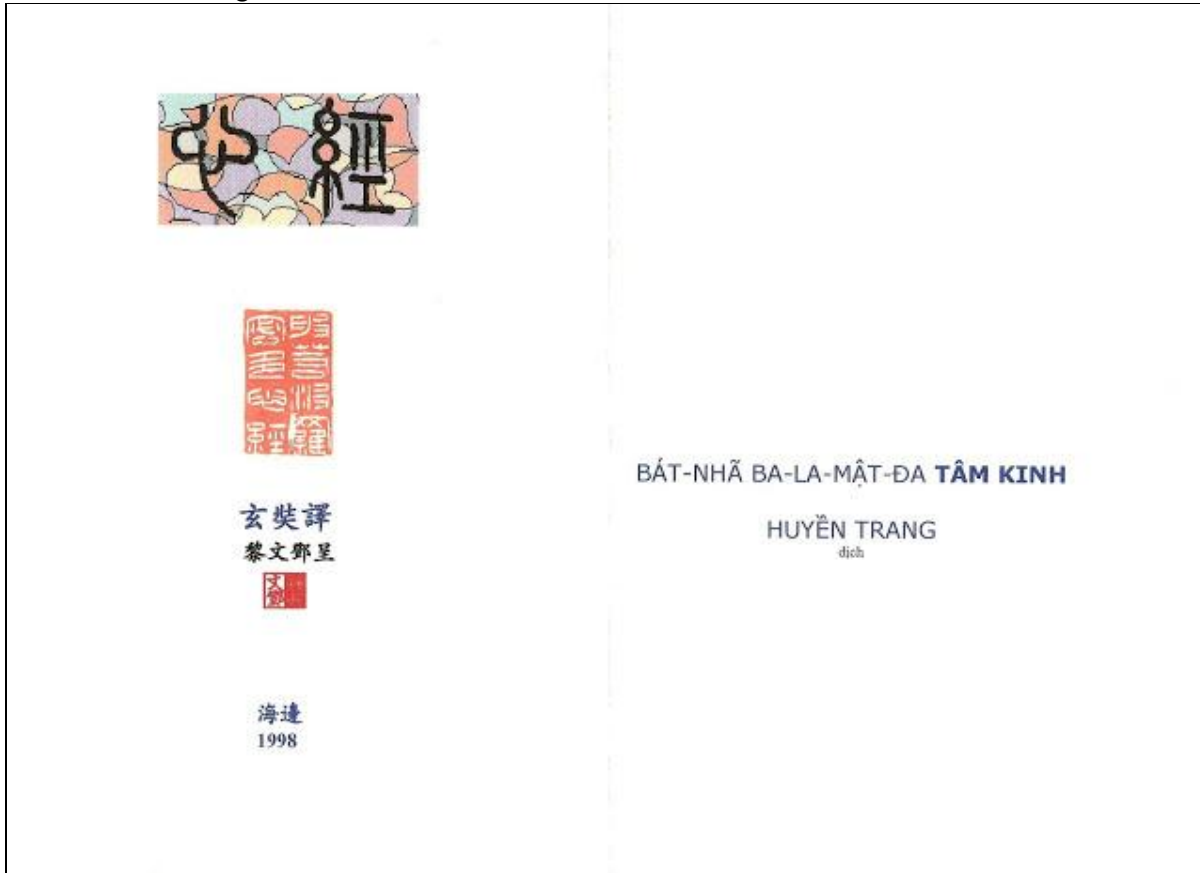
Tam thế chư Phật 三世諸佛 Chư Phật ba đời (quá khứ, hiện tại và vị lai).

Tứ đế Catvāra ārya-satyāni 四諦

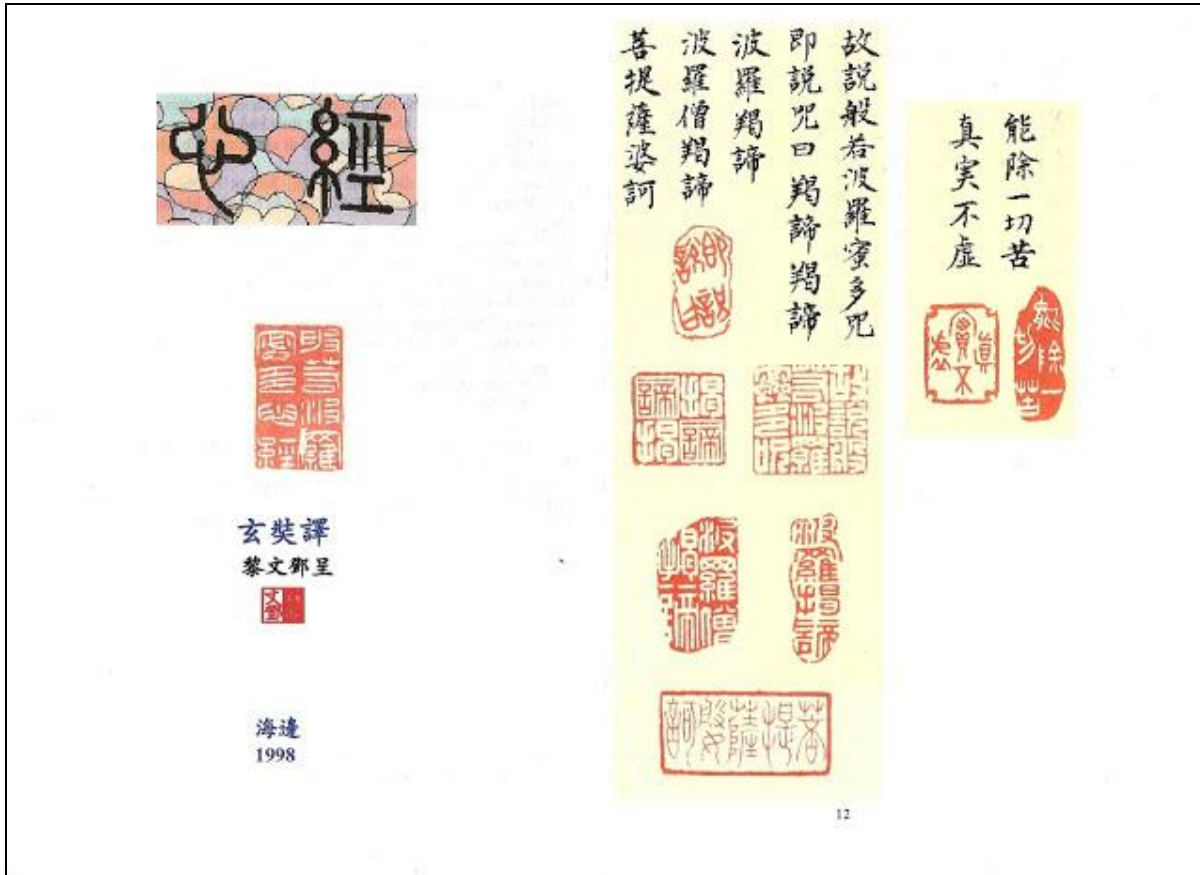
Xá Lợi Phất Śāriputra 舍利弗

Hải Biên, 1998-2004

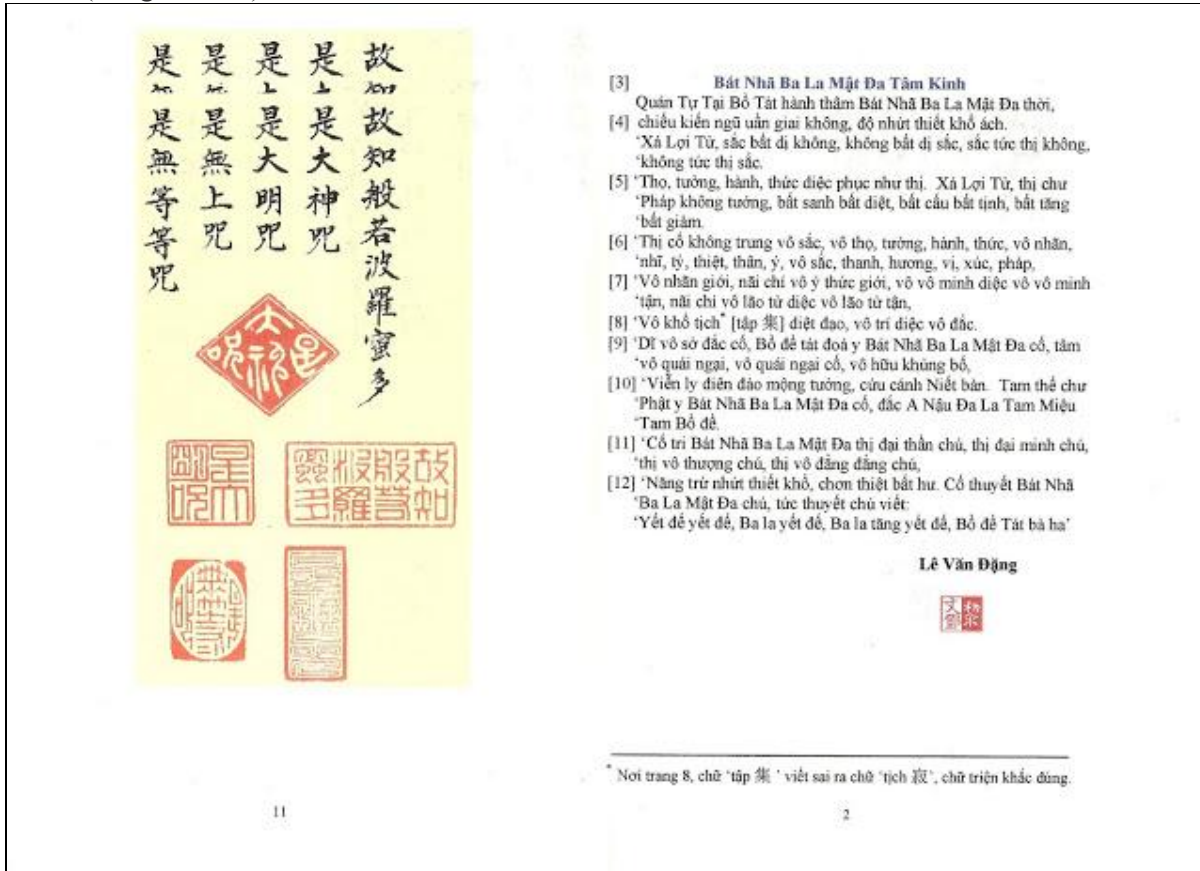
Lê Văn Đăng



Tờ bìa (2 trang, in một mặt)



Tờ 1a (trang 1 và 12)



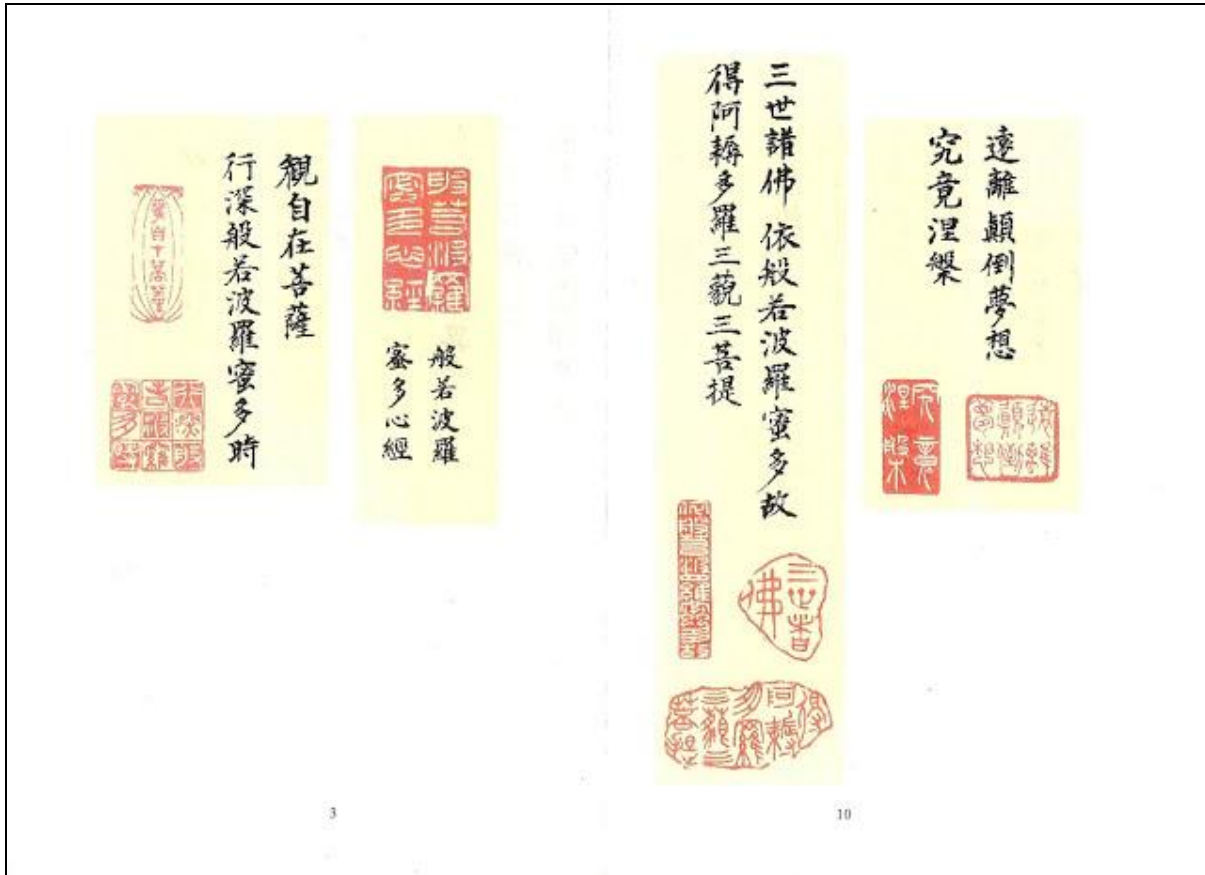
Tờ 1b (trang 2 và 11) 1a và 1b in 2 mặt giấy

- [3] Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
 Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời,
 [4] chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhưt thiết khổ ách.
 'Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc.
 [5] Thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư Pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.
 [6] Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.
 [7] Vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận,
 [8] 'Vô khổ tịch' [tập 集] diệt đao, vô tri diệc vô đắc.
 [9] 'Đĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tam vô quai ngại, vô quai ngại cố, vô hữu khủng bố,
 [10] 'Viên ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn. Tam thế chư Phật y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề.
 [11] 'Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú,
 [12] 'Năng trừ nhưt thiết khổ, chơn thiệt bất hư. Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết:
 'Yết đế yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha'

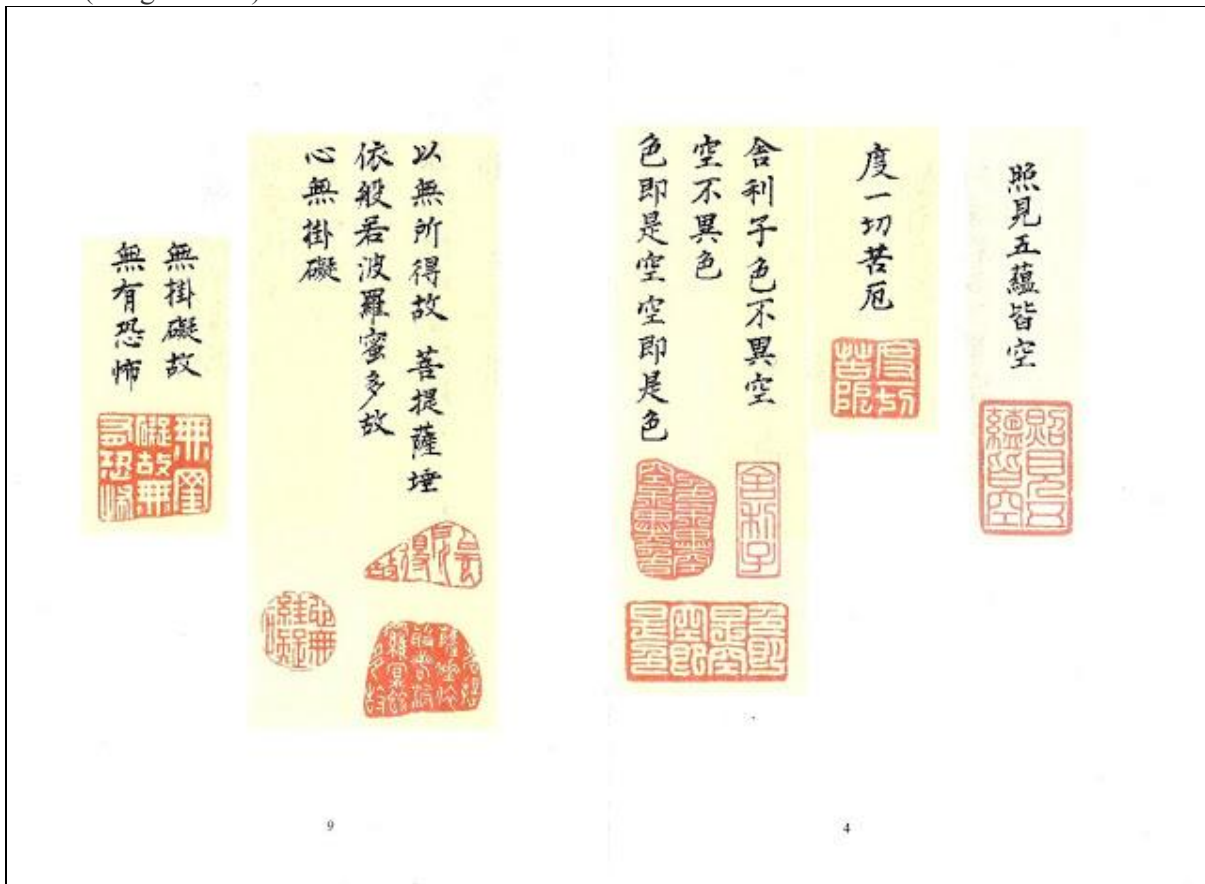
Lê Văn Động



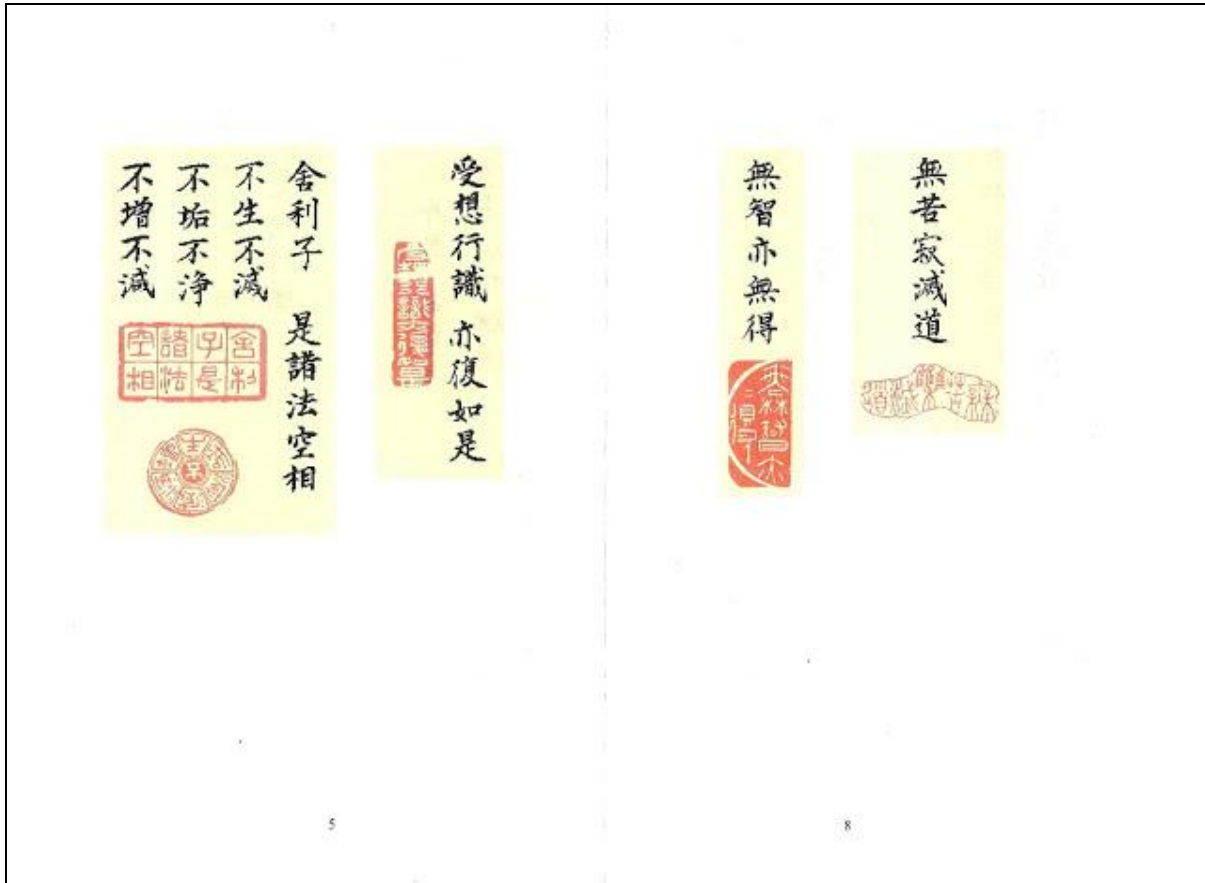
* Nơi trang 8, chữ 'tập 集' viết sai ra chữ 'tịch 寂', chữ triện khác đúng.



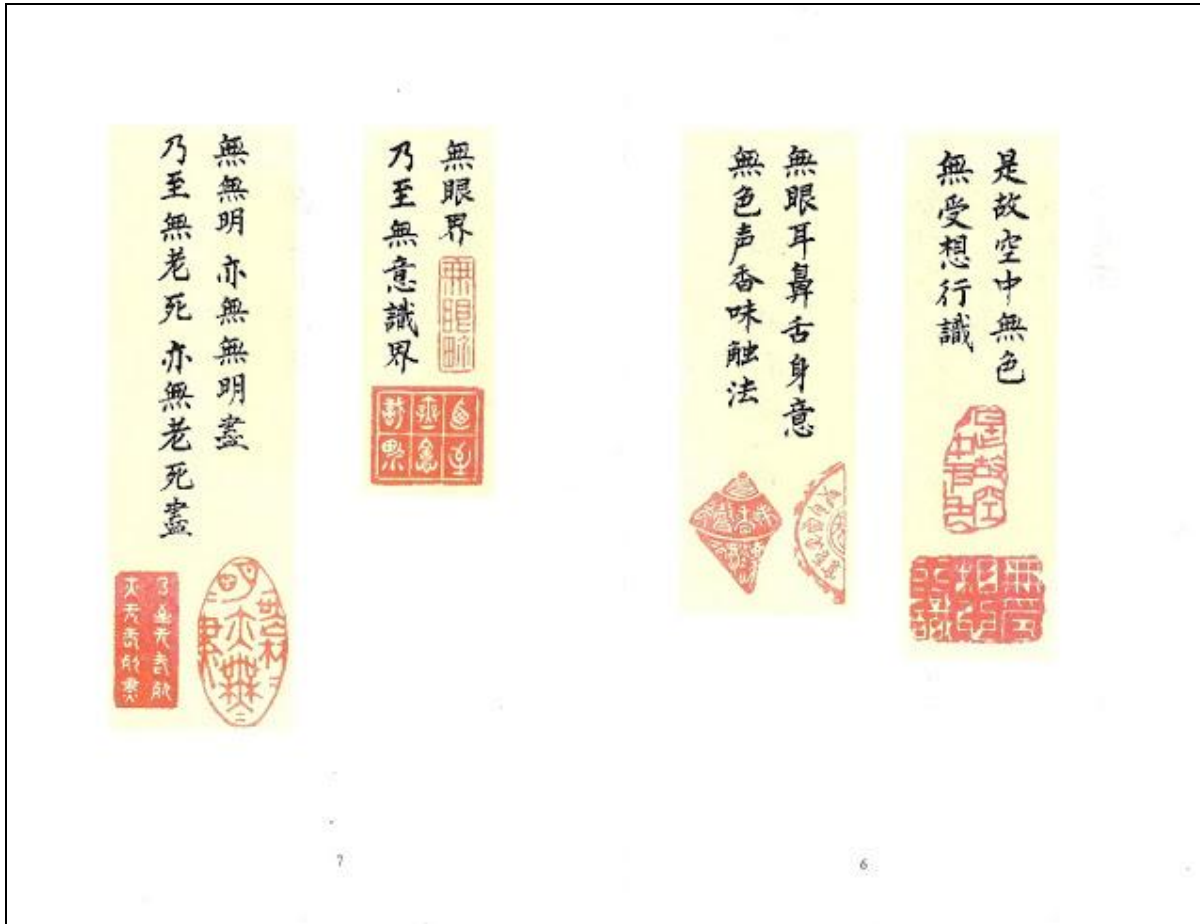
Tờ 2a (trang 3 và 10)



Tờ 2b (trang 4 và 9) 2a và 2b in 2 mặt giấy



Tờ 3a (trang 5 và 6)



Tờ 3b (trang 7 và 8) 3a và 3b in 2 mặt giấy

In xong 3 tờ 2 mặt, xếp lại theo thứ tự, được một tập với tờ bìa và 3 tờ trong (enjoy your work)

THE HEART SUTRA
Translated by E. Conze

Om Homage to the Perfection of Wisdom the Lovely, the Holy !

ÄryPvalokitešvara, the Holy Lord and Bodhisattva, was moving in the deep course of the Wisdom which has gone beyond. He looked down from on high, He beheld but five heaps, and He saw that in their own-being they were empty.

Here, O Špriputra, form is emptiness and the very emptiness is form ; emptiness does not differ from form, form does not differ from emptiness, whatever is emptiness, that is form, the same is true of feelings, perceptions, impulses, and consciousness.

Here, O Špriputra, all dharmas are marked with emptiness ; they are not produced or stopped, not defiled or immaculate, not deficient or complete.

Therefore, O Špriputra, in emptiness there is no form nor feeling, nor perception, nor impulse, nor consciousness ; No eye, ear, nose, tongue, body, mind ; No forms, sounds, smells, tastes, touchables or

objects of mind ; No sight-organ element, and so forth, until we come to : No mind-consciousness element ; There is no ignorance, no extinction of ignorance, and so forth, until we come to : There is no decay and death, no extinction of decay and death. There is no suffering, no origination, no stopping, no path. There is no cognition, no attainment and no non-attainment.

Therefore, O Śrīputra, it is because of his non-attainmentness that a Bodhisattva, through having relied on the Perfection of Wisdom, dwells without thought-coverings. In the absence of thought-coverings he has not been made to tremble, he has overcome what can upset, and in the end he attains to nirvāna. All those who appear as Buddhas in the three periods of time fully awake to the utmost, right and perfect Enlightenment because they have relied on the Perfection of Wisdom.

Therefore one should know the prañāpāramitā as the great spell, the spell of great knowledge, the utmost spell, the unequalled spell, allayer of all suffering, in truth -- for what could go wrong ? By the prañāpāramitā has this spell been delivered.

It runs like this :

gate gate paragate parasamgate bodhi svāhā.

(Gone, gone, gone beyond, gone altogether beyond, O what an awakening, all-hail ! --)

This completes the Heart of perfect Wisdom.

Posted Yesterday by Lê Văn Đăng

Labels: Phật Học tâm kinh

From: Ngọc-Thuan HA

Sent: Friday, January 20, 2017 12:05 AM

To: nguyenthuongvu <sh_huongvu@yahoo.com>; lvdang 3@gmail.com; QYDH moi <svhdqme_ers@emaildodo.com>

Subject: Re: **email của GS Lê Văn Đăng Bài Tâm Kinh ngắn Huyền Trang dịch**

Thưa Anh GS Lê Văn Đăng BS Nguyễn Thương Vũ

Thưa Anh Em Quân Y Hiện Dịch,

1. Thật là một tài-liệu (hay tư-liệu) quý-giá, đầy-đủ với rất nhiều (? triệu) son. Mong rằng có dịp được gặp mặt GS Đăng BS Vũ cùng Các Anh Em để được giải-thích nhiều thêm.

Bài Tâm Kinh này cũng được các họa-sĩ gốc Hoa dùng calligraphy chép đủ trên một tấm lụa, có thể treo tường trong phòng học.

Bản-dịch của Tam Tạng Pháp-Sư kể là hay hơn, về phương-diện văn-chương và ngôn-ngữ Trung Hoa, nhưng không được thông-dụng.

Trừ Bài Tâm Kinh này.

Tôi cũng đã gặp nhiều Phật tử thuộc lòng bài kinh, không cần đến bản phiên-âm chữ quốc-ngữ của người Việt.

2. Bài Kinh có một câu đầu không dịch sang chữ Hán: Om ! Homage to the Perfection of Wisdom, the Holy, the Lovely.

Chữ "Om" này thường dịch sang một chữ Hán, đọc theo âm Việt là "Án!" Thật ra tiếng này gồm 3 âm "AUM"

A là lúc miệng mở rộng thật lớn, lúc vũ-trụ mở (khai)

U là lúc miệng mờ thật nhỏ, là lúc vũ-trụ khép lại giữa khai và hạp;, và

M là lúc miệng mím chặt; vũ-trụ đóng lại (hạp). AUM (đọc là ÔM) là tất cả tiến-trình khai hạp của càn khôn.

Đọc là "án" sợ là sai ý-nghĩa.(?)

Xin mạn phép dịch tiếp (gửi tới Anh Em muốn có bản dịch đầy-đủ): "Nam-mô Đấng Viên Giác, Đấng Tối Thượng, Đấng Từ Bi!"

xin nói ngay đây là tôi không biết đúng hay không.

3. "Quán Tự Tại Bồ Tát" nhiều nơi khác dịch là "Quán Thế Âm Bồ Tát".

Tiếng Phạn đã chuyển-ngữ sang roman alphabet là Avalokitesvara. Mircea Eliade, một học-giả có tiếng, đã chú-thích như sau:

Scholars are in disagreement concerning the meaning of his name. "Lord (isvara) who looks from on high" (Burnouf) or "who looks down with compassion"

(Conze) seems the most convincing. (A History of Religious Ideas Vol. 2, page 220 note 12.)

Burnouf và Conze là hai nhà Phật học có tiếng của Âu-châu.

Phần lớn chúng ta niệm "Quan Thế Âm Bồ Tát", ít có ai niệm "Quán Tự Tại Bồ Tát" như trong bài kinh này.

Dường như khó-khăn là từ bản gốc chữ Phạn.(?)

Trong bốn tứ vô lượng tâm "Từ, Bi, Hỷ, Xả" thì Từ là lòng yêu thương mở rộng tới muôn loài chúng sinh, còn Bi là lòng thương các chúng-sinh hoạn-nạn đau-khổ.

Quan Thế Âm Bồ Tát chính là hiện-thân của tâm Bi này, người lắng nghe tất cả những lời kêu cứu cầu xin của muôn loài chúng-sinh. Đấng Cứu Khổ Cứu Nạn.

Nhiều phần emotional hơn.

Bởi vậy nói tới "Quán Tự Tại Bồ Tát" chúng ta cần tìm hiểu thêm về ý-nghĩa triết-lý của danh hiệu này.

3. "Xá-lợi tử" cũng dịch là "Xá-lợi Phất" từ Sariputra. có nghĩa là người con (trai) của (bà) Sari. "tử" dịch-nghĩa; còn "phất" dịch âm. Chúng ta thường biết đến

Xá-lợi Phất nhiều hơn, trừ trong bài kinh này là Xá-lợi tử. "Sari" là tên bà mẹ; dịch gần với nguyên-ngữ hơn, cũng như ối Xá-ly hay bệnh kiết ly (!); Hung-gia-ly

đúng hơn là Hung-gia-lợi, Tây-bá-ly-á (Siberia) đúng hơn là Tây-bá-lợi-á. Sariputra dịch là Xá-ly-tử hay Xá-ly-phất tùy quý-vị.

4. "Yết đế yết đế, ba la yết đế..."

Vấn-đề đã được bàn tới trước đây, tại sao lời chú lại để nguyên không dịch; và đọc lời chú này chúng ta chẳng hiểu gì cả. Nhất là khi có sự khác biệt giữa cách người

tàu đọc chữ Hán và người Việt đọc chữ Hán; "yết đế yết đế..." có thể sai với âm tiếng Phạn khá xa. Phiên-âm này là dùng cho người Tàu.

Và còn nhiều bài chú rất dài nữa, rất khó đọc, nhưng người Phật tử Việt-Nam vẫn kiên-trì tụng niệm.

Tôi nghĩ trường-hợp chúng ta người Việt (hay người Mỹ người Úc gốc Việt) phải hát bài quốc-ca của Pháp. "Allons enfants de la patrie..." Không phải là không có nghĩa, nhưng không thể dịch được. Phải hát bằng tiếng Pháp. Cùng kỳ lý, đối với một nhân-vật Việt-Nam không biết tiếng Pháp (chuyện này đã xảy ra) thì chúng ta đành phải phiên âm: "À lòng dâng phăng đờ la pa tơ-ri". ☺

Không thể hát "Nào anh em ta cùng đi (cùng đứng lên) hỡi con dân của tổ-quốc."

Trường-hợp giữ nguyên các lời chú tiếng Phạn trong kinh Phật không dịch-nghĩa có lẽ tương-tự.

Hát bài quốc-ca cũng đã phải có sự tôn-trọng. Đọc những bài mật chú trong Kinh Phật thì cũng phải có lòng kính-trọng như thế.

Còn như nói cho tới cùng (những lý-lẽ thần-bí của lời mật-chú) xin nhường lời lại tới quý vị học-giả uyên bác hay quý-vị cao tăng.

Nhưng với cách dùng chữ quốc-ngữ của chúng ta ngày nay, chúng ta có thể phiên âm đúng hơn: "Ga tê ga tê ba la ga tê ba la tăng ga tê..."

hay: "Ga tê ga tê pa ra ga tê pa ra sam ga tê..."

Vấn-đề là Phật-giáo Việt-Nam sau này sẽ trở về thẳng với kinh sách bằng chữ Phạn và sẽ có những thay đổi như thế nào ?

Nhưng đó chỉ là việc "học", còn việc "tu" không có gì thay đổi...

Một vài lời đóng góp cùng Anh Em; xin cảm ơn GS Lê Văn Đặng đã phổ-biến và Shaman Nguyễn Thượng Vũ đã chuyển.

Thân mến

Hà Ngọc Thuận

=====

From: nguyenthuongvu [mailto:shama_gvu@yahoo.com]

Sent: Friday, January 20, 2017 9:14 AM

To: VM ORUM@yahoogroups.com; svhd_embers@emaildodo.com

Subject: **Bài phân tích của Bác Sĩ Hà Ngọc Thuận về Bát Nhã Tâm Kinh ngắn Huyền Trang dịch**

Thưa các anh chị

Ngày hôm qua, tôi có nhận được từ anh GS Lê Văn Đặng mấy bản dịch của bộ kinh quan trọng nhất trong hơn 600 bộ kinh Phật Giáo : Bát Nhã Tâm Kinh Prajnaparamita Sutra, mà Đường Tăng Trần Huyền Trang mang về Trung Hoa hồi đầu thế kỷ VII.

Những bản dịch vô cùng giá trị của mấy trăm bộ kinh này sang chữ Hán của Ngài Đường Tăng và các học trò ngài, lần lần được mang sang Việt Nam để truyền bá cho dân gian, cho ông cha chúng ta.

Ngày hôm qua, tôi đã chuyển cho các anh chị tài liệu vô cùng quý báu này, gồm bản chữ Hán, bản dịch sang quốc ngữ, bản phiên âm, bản Âm và bản dịch sang Anh ngữ của học giả E Conze, một học giả nổi tiếng về như khảo cứu giá trị về Phật Học. (đính kèm)

Tôi vừa nhận được email của anh BS Hà Ngọc Thuận viết từ Brisbane bên Úc nói lên những cảm nghĩ của anh về tài liệu quý giá này.

Trong Email, anh BS Thuận bàn về nhiều vấn đề, và cũng bàn về tên chữ Phạm Avalokitesvara của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, mà trong nhiều tài liệu nguyên thủy nhiều người hay dùng chữ Quán Tự Tại Bồ Tát.

Tuy danh gọi Quán Thế Âm Bồ Tát rất phổ thông trong nước ta nhiều thế kỷ nay, nhưng có lẽ danh gọi Quán Tự Tại Bồ Tát đúng với văn bản nguyên thủy hơn.

Anh BS Thuận cũng bàn về chữ Om của câu thần chú Om Mani Pad Me Hum của phật giáo, mà các phật tử bên Ấn Độ hay dùng hàng ngày, và thông dụng hơn thần chú Nam Mô A Di Đà Phật nhiều.

Om Mani Pad Me Hum được phiên dịch/phiên âm trong Hán Tự ra là Án Ma Ni Bát Mê Hồng hay Úm Ma Ni Bát Ni Hồng, cách phiên âm này theo phương diện phonetic thì cũng gần với âm nguyên thủy của câu thần chú dính liền với Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, mà ông cha ta hay gọi một cách kính cẩn hơn là Đức Phật Bà Quan Âm.

Anh Thuận phân tích chữ Om ra thành 3 giai đoạn của hơi thở, phân tích này của anh Thuận rất là hay và cũng phù hợp với cách suy nghĩ của nhiều học giả Ấn Độ và Âu Tây. Khi tôi đi chơi bên Ấn Độ thì tôi thấy nhiều người Ấn Độ hay dùng một chữ Om mà thôi. Và không thấy cần thiết phải nói hết tất cả thần chú.

Tôi nghĩ chữ Om được dùng với Avalokitesvara nhiều thế kỷ - nếu không nói là 1-2 thiên niên kỷ - trong Ấn Độ Giáo trước khi Phật Giáo ra đời với đức Thích Ca Mâu Ni.

Khi Đức Thích Ca và các học trò ngài mang Avalokitesvara vào Phật Giáo và đặt ngài đứng sát cạnh đức A Di Đà, thì hình ảnh ngài thể hiện theo chữ Từ Bi (Metta/mitra/Maitri) được toàn thể các phật tử coi như là một chuyện nhiên nhiên rồi.

Tôi nghĩ bài viết của anh BS Thuận đã gọi cho chúng ta nghĩ lại bao nhiêu tinh túy của Phật Học.

Lẽ dĩ nhiên không ai có thể diễn tả những tinh túy của Phật Học trong vài trang giấy hay vài chục trang giấy được, nhưng những cảm nghĩ này là bước đầu thúc đẩy chúng ta tìm hiểu thêm cái đẹp, cái cao siêu, cái bát ngát, cái vô cùng của Phật Học.

Xin cảm ơn anh BS Thuận, một người bạn thân mến của tôi từ 60 năm nay, từ ngày chúng tôi bước chân với nhau vào Trường Thuốc trong thập niên 50.

Nay kính

Nguyen Thuong Vu